

Số: 30 /NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 12 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố
về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
thu, chi ngân sách địa phương năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 1761/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về việc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương năm 2023
cho các địa phương để thực hiện chính sách an sinh xã hội từ năm 2023 trở về
trước và hỗ trợ chi trả chế độ cho số lượng biên chế giáo viên được bổ sung theo
Quyết định số 72-QĐ/TW của Bộ Chính trị;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước
năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân thành phố về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên
địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024;*

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2024;

Xét Tờ trình số 309/TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024; Công văn số 5111/UBND-KT ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tiếp thu, giải trình một số nội dung tại cuộc họp thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024, Điều 1 Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 và Điều 1 Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2024, như sau:

- | | |
|---|------------------|
| 1. Bổ sung dự toán thu ngân sách địa phương năm 2024: | 1.958 triệu đồng |
| - Bổ sung dự toán thu tiền sử dụng đất: | 400 triệu đồng |
| (ghi thu tiền sử dụng đất năm 2024) | |
| - Bổ sung dự toán thu viện trợ: | 1.558 triệu đồng |

2. Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024: 1.958 triệu đồng

- Bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển: 400 triệu đồng

(ghi chi tiền sử dụng đất năm 2024)

- Bổ sung dự toán chi thường xuyên: 1.558 triệu đồng

- Giảm dự toán chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay: - 5.300 triệu đồng

- Bổ sung dự toán chi nợ gốc ngân sách địa phương năm 2024: 5.300 triệu đồng

Chi tiết tại các phụ lục đính kèm:

- Phụ lục I: Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục I của Nghị quyết số 52/NQ-HĐND, Nghị quyết số 14/NQ-HĐND và Nghị quyết số 19/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố.

- Phụ lục II: Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục II của Nghị quyết số 52/NQ-HĐND, và Nghị quyết số 19/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố.

- Phụ lục III: Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục III của Nghị quyết số 52/NQ-HĐND, Phụ lục II của Nghị quyết số 14/NQ-HĐND và Phụ lục III của Nghị quyết số 19/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố.

- Phụ lục IV: Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục IV của Nghị quyết số 52/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Các nội dung khác trong Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023, Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố không điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn còn hiệu lực thi hành.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ mười bảy (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành và đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT. Điều hành đô thị thông minh;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT, HĐ, 250.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiếu

Phụ lục I
DỰ TOÁN THU, CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
SAU KHI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND thành phố giao	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung
A	B	1	2	3 = 1+2
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	16.710.197	1.958	16.712.154
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	11.629.738	400	11.630.138
1	- Thu NSDP hưởng 100%	5.030.958	400	5.031.358
2	- Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	6.598.780		6.598.780
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.685.911	-	3.685.911
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	815.615		815.615
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.870.296		2.870.296
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	-	-
IV	Thu kết dư	837.328	-	837.328
1	Thu vượt sử dụng đất các năm trước	183.900		183.900
2	Thu từ nguồn tồn quỹ ngân sách cấp thành phố năm 2023	208.267		208.267
3	Thu vượt sử dụng đất năm 2023	231.573		231.573
4	Thu vượt xô số kiến thiết năm 2023	213.588		213.588
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	557.219	-	557.219
1	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang	307.219		307.219
2	Từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2023	250.000		250.000
VI	Thu viện trợ		1.558	1.558
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	18.925.997	1.958	18.927.954
I	Tổng chi cân đối NSDP	15.780.863	-3.342	15.777.521
1	Chi đầu tư phát triển	8.055.754	400	8.056.154
2	Chi thường xuyên	7.303.591	1.558	7.305.149
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	166.000	-5.300	160.700
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.380		1.380
5	Dự phòng ngân sách	254.138		254.138
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-		-
II	Chi các chương trình mục tiêu	3.038.223	-	3.038.223
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-		-
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3.038.223		3.038.223
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	-	-
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên	2.210		2.210
V	Chi trả nợ gốc của NSDP	104.700	5.300	110.000
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.215.800		2.215.800
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	104.700	5.300	110.000
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	-	-	-
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp thành phố	104.700	5.300	110.000
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	2.215.800		2.215.800
I	Vay để bù đắp bội chi	2.215.800		2.215.800
II	Vay để trả nợ gốc	-	-	-

Ghi chú : - Tổng chi NSDP không bao gồm chi XDCB từ vốn tạm ứng các năm trước chuyển sang.



Phụ lục II
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024
SAU KHI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

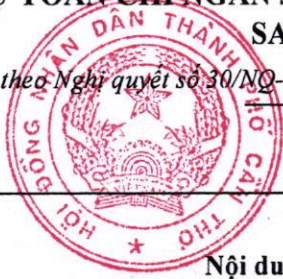
STT	Nội dung	Dự toán HĐND thành phố đã giao đầu năm và bổ sung		Dự toán đề nghị điều chỉnh, bổ sung		Dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
	TỔNG THU NSNN THEO CHỈ TIÊU (I + II)	12.445.658	11.629.738	400	400	12.446.058	11.630.138
I	Thu nội địa	12.127.658	11.629.738	400	400	12.128.058	11.630.138
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	950.000	950.000			950.000	950.000
	- Thuế giá trị gia tăng	744.000	744.000			744.000	744.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	200.000	200.000			200.000	200.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên	6.000	6.000			6.000	6.000
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	185.000	185.000			185.000	185.000
	- Thuế giá trị gia tăng	110.000	110.000			110.000	110.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.000	64.000			64.000	64.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên	11.000	11.000			11.000	11.000
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.150.000	1.150.000			1.150.000	1.150.000
	- Thuế giá trị gia tăng	389.800	389.800			389.800	389.800
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	285.000	285.000			285.000	285.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	475.000	475.000			475.000	475.000
	- Thuế tài nguyên	200	200			200	200
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.733.000	2.732.780			2.733.000	2.732.780
	- Thuế giá trị gia tăng	1.551.600	1.551.600			1.551.600	1.551.600
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	720.000	720.000			720.000	720.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	459.600	459.380			459.600	459.380
	- Thuế tài nguyên	1.800	1.800			1.800	1.800
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.210.000	1.210.000			1.210.000	1.210.000
6	Thuế bảo vệ môi trường	650.000	390.000			650.000	390.000
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	260.000				260.000	
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	390.000	390.000			390.000	390.000
7	Lệ phí trước bạ	480.000	480.000			480.000	480.000
8	Thu phí, lệ phí	210.000	140.000			210.000	140.000
	- Phí và lệ phí trung ương	70.000				70.000	
	- Phí và lệ phí địa phương	140.000	140.000			140.000	140.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	35.000	35.000			35.000	35.000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	175.000	175.000			175.000	175.000
	- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước trong dự toán	175.000	175.000			175.000	175.000
	- Ghi thu ghi chi từ nguồn thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
12	Thu tiền sử dụng đất	2.215.658	2.215.658	400	400	2.216.058	2.216.058
	- Thu tiền sử dụng đất trong dự toán	2.170.000	2.170.000			2.170.000	2.170.000

STT	Nội dung	Dự toán HĐND thành phố đã giao đầu năm và bổ sung		Dự toán đề nghị điều chỉnh, bổ sung		Dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
	- Ghi thu ghi chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	45.658	45.658	400	400	46.058	46.058
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	50.000	50.000			50.000	50.000
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.800.000	1.800.000			1.800.000	1.800.000
	- Thu hoạt động XSKT truyền thống	1.770.000	1.770.000			1.770.000	1.770.000
	- Thu hoạt động XSKT điện toán	30.000	30.000			30.000	30.000
15	Thu khác ngân sách	260.000	100.000			260.000	100.000
	- Thu khác ngân sách trung ương	160.000				160.000	
	- Thu khác ngân sách địa phương	100.000	100.000			100.000	100.000
16	Thu cổ tức, lợi nhuận	12.000	12.000			12.000	12.000
17	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	12.000	4.300			12.000	4.300
	- Giấy phép do cơ quan trung ương cấp	11.000	3.300			11.000	3.300
	- Giấy phép do UBND cấp tỉnh cấp	1.000	1.000			1.000	1.000
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	318.000				318.000	
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	268.900				268.900	
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu	40.000				40.000	
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	2.000				2.000	
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	100				100	
6	Thu khác	7.000				7.000	

Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024 SAU KHI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

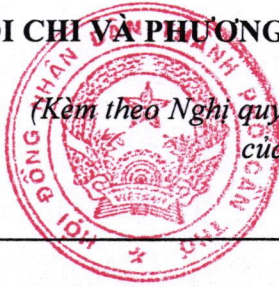


Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND thành phố đã giao	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau khi điều chỉnh, bổ sung
A	B	1	2	3 = 1+2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	18.925.997	1.958	18.927.954
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	15.780.863	-3.342	15.777.521
I	Chi đầu tư phát triển	8.055.754	400	8.056.154
1	Chi đầu tư cho các dự án	8.055.754	400	8.056.154
a	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.215.658	400	2.216.058
	Trong đó: Ghi thu ghi chi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất	45.658	400	46.058
b	Từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.800.000		1.800.000
c	Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương	1.379.135		1.379.135
d	Chi đầu tư từ bội chi	2.215.800		2.215.800
đ	Chi từ các nguồn khác	445.161	-	445.161
	Từ nguồn thu vượt sử dụng đất năm 2023	231.573		231.573
	Từ nguồn thu vượt xổ số kiến thiết năm 2023	213.588		213.588
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định pháp luật	-		-
3	Chi đầu tư phát triển khác	-		-
II	Chi thường xuyên	7.303.591	1.558	7.305.149
	Trong đó:	-		-
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.979.632	1.066	2.980.698
2	Chi khoa học và công nghệ	50.051		50.051
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	166.000	-5.300	160.700
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.380		1.380
V	Dự phòng ngân sách	254.138		254.138
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-		-
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	3.038.223	-	3.038.223
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-		-
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3.038.223	-	3.038.223
1	Chi đầu tư	2.903.160	-	2.903.160
	- Vốn ngoài nước	40.160		40.160
	- Vốn trong nước	2.863.000	-	2.863.000
	+ Nguồn dự toán giao trong năm 2024	2.613.000		2.613.000
	2023	250.000		250.000
2	Chi sự nghiệp	135.063		135.063
	- Vốn ngoài nước	-		-
	- Vốn trong nước	135.063		135.063
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-		-
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	104.700	5.300	110.000
E	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	2.210		2.210

Phụ lục IV
BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024
của Hội đồng nhân dân thành phố)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND thành phố đã giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung
A	B	1	2	3 = 1 + 2
A	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11.584.080		11.584.080
B	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13.799.880		13.799.880
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	2.215.800		2.215.800
D	HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO QUY ĐỊNH	6.950.448		6.950.448
E	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC			
I	Tổng dư nợ đầu năm	2.450.343		2.450.343
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	35,25		35,25
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	2.450.343		2.450.343
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật			
II	Trả nợ gốc vay trong năm	104.700	5.300	110.000
1	Theo nguồn vốn vay	104.700	5.300	110.000
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	104.700	5.300	110.000
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật			
2	Theo nguồn trả nợ	104.700	5.300	110.000
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			
-	Bội thu NSDP			
-	Tăng thu, tiết kiệm chi			
-	Kết dư ngân sách cấp thành phố	104.700	5.300	110.000
III	Tổng mức vay trong năm	2.215.800		2.215.800
1	Theo mục đích vay	2.215.800		2.215.800
-	Vay để bù đắp bội chi	2.215.800		2.215.800
-	Vay để trả nợ gốc			
-	Vay vốn tín dụng ưu đãi			
2	Theo nguồn vay	2.215.800		2.215.800
-	Trái phiếu chính quyền địa phương	1.000.000		1.000.000
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	1.215.800		1.215.800
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật			
IV	Tổng dư nợ cuối năm	4.561.443	-5.300	4.556.143
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	65,63		65,63
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	1.000.000		1.000.000
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	3.561.443	-5.300	3.556.143
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật			
F	TRẢ NỢ LÃI, PHÍ	166.000	-5.300	160.700